

LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

- Hiểu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam. Từ truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang, rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự qua mỗi giai đoạn.
- Có ý thức tu dưỡng, rèn luyện tốt, sẵn sàng tham gia vào lực lượng quân đội và công an.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam là bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước. Trải qua trên 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã lập bao chiến công hiển hách, xây dựng truyền thống vẻ vang, xứng đáng là công cụ bạo lực của Đảng, Nhà nước và niềm tin tưởng của nhân dân.

A – LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

I – LỊCH SỬ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Thời kì hình thành

Ngay buổi đầu của cách mạng Việt Nam, trong chính cương vắn tắt của Đảng, tháng 2 năm 1930 đã đề cập tới việc : “ Tổ chức ra quân đội công nông”. Tiếp đó, Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng, tháng 10 năm 1930 đã xác định chủ trương xây dựng đội “Tự vệ công nông”. Trong quá trình phát triển phong trào cách mạng của quần chúng, những đội vũ trang đầu tiên đã ra đời : Đội Tự vệ đỏ, Xích vệ đỏ trong phong trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh; đội du kích Nam Kỳ trong khởi nghĩa Nam Kỳ; đội du kích Bắc Sơn trong khởi nghĩa Bắc Sơn; du kích Ba Tơ trong khởi nghĩa Ba Tơ; các đội Cứu quốc quân 1, 2, 3 gắn liền với các cuộc khởi nghĩa Cao – Bắc – Lạng và Hà – Tuyên – Thái, các đội vũ trang đầu tiên đó là tiền thân của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân chính thức được thành lập theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đó ngày này trở thành ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày đầu thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân có 34 chiến sĩ (trong đó có 3 nữ), chia thành 3 tiểu đội, có chỉ bộ Đảng lãnh đạo và 34 khẩu súng các loại. Chiến công đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là hạ đồn Phay Khắt và Nà Ngần, đặt cơ sở cho truyền thống “đánh thắng trận đầu” của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 4 năm 1945, Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ của Đảng quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trong nước thành “Việt Nam giải phóng quân”. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, lực lượng vũ trang ta tuy chỉ có khoảng 5 nghìn người, vũ khí rất thiếu và thô sơ nhưng đã cùng toàn dân đứng lên tổng khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân.

2. Thời kì xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược

a) Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

** Quá trình phát triển*

Tên gọi của Quân đội nhân dân Việt Nam gắn liền với nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kì. Sau Cách mạng tháng Tám, Đội Việt Nam giải phóng quân được đổi thành “Vệ quốc đoàn”. Ngày 22 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 71/SL thành lập Quân đội quốc gia Việt Nam; sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (năm 1951), đổi tên là Quân đội nhân dân Việt Nam và được gọi cho đến ngày nay.

Thành phần Quân đội nhân dân Việt Nam gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương. Đối với bộ đội chủ lực, ngày đầu toàn quốc kháng chiến mới chỉ có vài nghìn người, đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, đã có trên 30 vạn quân chủ lực. Đối với bộ đội địa phương, ngày 7 tháng 4 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Quyết định thành lập bộ đội địa phương và đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, lực lượng vũ trang địa phương đã phát triển trên phạm vi cả nước với các trung đoàn, tiểu đoàn bám trụ địa bàn, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

** Quá trình chiến đấu và chiến thắng*

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần

nữa. Để hoàn thành mục tiêu cuộc cách mạng giải phóng dân tộc dưới hình thức chiến tranh cách mạng, quân đội ta vừa chiến đấu, vừa xây dựng, trưởng thành và lập nhiều chiến công hiển hách. Chiến thắng Việt Bắc – Thu Đông 1947, chỉ với lực lượng nhỏ hơn địch nhiều lần (khoảng 30 đại đội chủ lực, 18 tiểu đoàn tập trung, cùng dân quân, du kích) đã đánh bại cuộc tiến công của 2 vạn quân Pháp tại chiến khu Việt Bắc.

Trong Chiến dịch Biên giới (năm 1950), Đại đoàn 308, Trung đoàn 174, 209, cùng nhiều lực lượng khác đã giành chiến thắng, giải phóng một vùng rộng lớn ở Đông Bắc, tạo điều kiện cho cách mạng nước ta tiếp xúc với cách mạng thế giới. Trong chiến dịch này, đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng, hi sinh quên mình : Chiến sĩ La Văn Cầu đã nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương để tiếp tục chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Qua các chiến dịch : Trung du, Đường 18, Hà Nam Ninh đầu năm 1951; Hoà Bình (Đông Xuân 1951 – 1952); Tây Bắc năm 1952; Thượng Lào năm 1953..., quân đội ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch, xoay chuyển tình thế của cuộc kháng chiến chống Pháp về phía có lợi cho ta. Chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954, quân và dân ta bước vào cuộc tiến công chiến lược trên toàn quốc, mà đỉnh cao là thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), đưa nước ta bước vào giai đoạn mới của cách mạng. Trong chiến dịch này, có nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, hi sinh quên mình : chiến sĩ Bế Văn Đàn đã dùng vai mình làm giá súng cho đồng đội tiêu diệt địch, chiến sĩ Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn pháo, chiến sĩ Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tạo điều kiện cho đồng đội xung phong tiêu diệt địch...

b) Trong kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược (1954 – 1975)

Kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, đế quốc Mĩ thực hiện âm mưu hất cẳng Pháp, xâm lược miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Quân đội ta một lần nữa lại bước vào trận tuyến mới, cùng toàn dân kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược. Từ năm 1954 đến năm 1965, lực lượng quân đội ta ở miền Bắc bước vào xây dựng chính quy, luyện quân lập công và thực hiện phong trào thi đua “ba nhất”, góp phần vào thắng lợi trong công cuộc cải tạo và khôi phục kinh tế, làm điểm tựa cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Các lực lượng vũ trang miền Nam hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, giữ gìn và chuẩn bị lực lượng, góp phần giành thắng lợi trong phong trào đồng khởi.

Ngày 15 tháng 1 năm 1961, các lực lượng vũ trang tại miền Nam được thống nhất với tên gọi “Quân giải phóng”. Những chiến thắng ở Ấp Bắc, Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài đã góp phần bẻ gãy chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ. Bị thất bại trong chiến tranh đặc biệt, Mĩ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, đưa hơn nửa triệu quân Mĩ vào tác chiến trực tiếp, đồng thời ném bom phá hoại miền Bắc lần thứ nhất. Trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù, quân đội ta cùng toàn dân thực hiện khẩu hiệu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”. Các lực lượng vũ trang của ta ở cả hai miền đã lập nhiều chiến công lớn, đánh bại hai cuộc hành quân của Mĩ vào mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967 trên chiến trường miền Nam. Quân và dân ta đã bắn rơi hàng nghìn máy bay, bắt sống hàng trăm giặc lái trên chiến trường miền Bắc, tạo ra tình thế cách mạng thuận lợi cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968.

Bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam, Bắc, đế quốc Mĩ buộc phải đơn phương xuống thang chiến tranh, áp dụng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, gây sức ép quốc tế, hòng buộc chúng ta phải chịu khuất phục. Chúng mở nhiều cuộc hành quân quy mô lớn tiến ra Đông Bắc Cam-pu-chia, đường 9 – Nam Lào và phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với tính chất, quy mô ác liệt hơn. Quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, giành thắng lợi lớn tại đường 9 – Nam Lào, Đông Bắc Cam-pu-chia, và Quảng Trị – Thừa Thiên... đập tan các kế hoạch chiến lược của Mĩ – Ngụy. Trong trận “Điện Biên Phủ trên không”, lực lượng phòng không – không quân của quân đội ta cùng các lực lượng khác đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B52, bắt sống nhiều giặc lái, buộc đế quốc Mĩ phải kí hiệp định Pari về Việt Nam. Tận dụng thời cơ, quân đội ta đã thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong kháng chiến chống Mĩ đã xuất hiện nhiều anh hùng, dũng sĩ diệt Mĩ. Lê Mã Lương đã quan niệm “cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù” ; Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân hô vang khẩu hiệu “nhằm thẳng quân thù mà bắn” ; Anh hùng Phạm Tuấn đã lái máy bay Míc 21, bắn rơi pháo đài B52 của giặc Mĩ... Tất cả những tấm gương đó, mãi là niềm tự hào của Quân đội nhân dân Việt Nam.

c) Thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội trong niềm tự hào dân tộc và sự khâm phục của bè bạn

quốc tế. Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục chắc tay súng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất, Quân đội nhân dân Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Hiện nay, quân đội ta xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt cho nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, quân đội ta đang cùng với các lực lượng khác tiếp tục tăng cường sức chiến đấu và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng – an ninh trong mọi tình huống; đồng thời, tích cực tham gia các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch họa, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

II – TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Hơn 60 năm xây dựng, trưởng thành và chiến thắng, Quân đội nhân dân Việt Nam đã viết lên những truyền thống vẻ vang, đó là :

1. Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng

Sự trung thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, trước hết thể hiện trong chiến đấu vì mục tiêu, lí tưởng của Đảng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, lí tưởng của Đảng trở thành niềm tin, lẽ sống của Quân đội nhân dân. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam theo nguyên tắc “tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt”. Tổ chức Đảng trong Quân đội được thực hiện theo hệ thống dọc từ Trung ương đến cơ sở. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Khái quát và ngợi khen quân đội ta, Bác Hồ nói : “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

2. Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng

Là đội quân nhỏ nhưng đã đánh thắng nhiều đế quốc to, Quân đội nhân dân Việt Nam đã làm nên truyền thống quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng. Truyền thống đó trước hết được thể hiện ở quyết tâm đánh giặc giữ nước, quyết không sợ hi sinh gian khổ, xả thân vì sự nghiệp cách mạng của Đảng. Mặt khác, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sử dụng nghệ thuật quân sự của chiến tranh cách mạng. Đó là nghệ thuật lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ chống

lớn của dân tộc; nghệ thuật tranh thời, dùng mưu, lập thế để tạo ra sức mạnh đánh thắng quân thù. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, chiến thắng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đã tô thắm truyền thống quyết chiến, quyết thắng và biết đánh, biết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Gắn bó máu thịt với nhân dân

Quân đội nhân dân Việt Nam từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Với chức năng : đội quân chiến đấu, đội quân công tác và lao động sản xuất, quân đội ta đã làm nên truyền thống gắn bó máu thịt với nhân dân. Truyền thống đó được thể hiện tập trung trong 10 lời thề danh dự của quân nhân và 12 điều kỉ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân.

4. Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỉ luật tự giác, nghiêm minh

Sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng bởi nội bộ đoàn kết thống nhất và kỉ luật tự giác nghiêm minh. Trên 60 năm xây dựng và trưởng thành, quân đội ta luôn giải quyết tốt mối quan hệ nội bộ giữa cán bộ với chiến sĩ, giữa cán bộ với cán bộ, giữa chiến sĩ với chiến sĩ và giữa lãnh đạo với chỉ huy “Đoàn kết chặt chẽ với nhau như ruột thịt, trên tình thương yêu giai cấp, hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận, thực hiện toàn quân một ý chí”. Hệ thống điều lệnh, điều lệ và những quy định trong quân đội chặt chẽ, thống nhất được cán bộ, chiến sĩ tự giác chấp hành.

5. Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước

Quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội nhân dân gắn liền với công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta qua các thời kì. Qua đó quân đội ta đã phát huy tốt tinh thần khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong chiến đấu, trong lao động sản xuất và công tác với tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường, góp phần tô thắm truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

6. Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thủy chung với bè bạn quốc tế

Quân đội nhân dân Việt Nam chiến đấu không những giải phóng dân tộc mình mà còn góp phần thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế. Biểu hiện tập trung cho truyền thống đó là sự liên minh chiến đấu giữa quân tình nguyện Việt Nam với quân đội Pathét Lào và bộ đội yêu nước Cam-pu-chia trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Chiến dịch “Thập vạn đại sơn” là

bằng chứng về sự liên minh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam với Quân đội nhân dân Trung Quốc, để lại trong lòng nhân dân hai nước những kỉ ức đẹp.

B – LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

I – LỊCH SỬ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam thường phối hợp giữa tiến công quân sự bên ngoài với các hoạt động lật đổ bên trong. Các lực lượng phản động trong nước, ngoài nước cấu kết chặt chẽ với nhau, chống phá ta quyết liệt trên mọi lĩnh vực. Do đó, sự ra đời của Công an nhân dân Việt Nam là một đòi hỏi tất yếu khách quan của lịch sử.

1. Thời kì hình thành

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, yêu cầu bảo vệ chính quyền cách mạng được đặc biệt coi trọng. Dưới sự chỉ đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, lực lượng công an được thành lập ngày 19 tháng 8 năm 1945, để cùng với các lực lượng khác bảo vệ thành quả cách mạng. Từ đó, ngày 19 tháng 8 trở thành ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam. Ở Bắc Bộ đã thành lập “Sở Liêm phóng” và “Sở Cảnh sát”. Các tỉnh đều thành lập “Ti Liêm phóng” và “Ti Cảnh sát”. Các tổ chức tiền thân của lực lượng công an nhân dân cùng nhân dân tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đồng thời bảo vệ thành công ngày Quốc khánh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (2 – 9 – 1945).

2. Thời kì xây dựng và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975)

a) Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

Đầu năm 1947, Nha Công an Trung ương được chấn chỉnh về tổ chức gồm : Văn phòng, Ti Điện báo, Ti Chính trị, Bộ phận An toàn khu. Tháng 6 năm 1949, Nha Công an Trung ương tổ chức Hội nghị Điều tra toàn quốc. Ngày 15 tháng 1 năm 1950, Hội nghị Công an toàn quốc xác định Công an nhân dân Việt Nam có ba tính chất : “dân tộc, dân chủ, khoa học”.

Ngày 28 tháng 2 năm 1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra quyết định sáp nhập bộ phận Tinh báo Quân đội vào Nha Công an⁵⁾.

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Ban Công an tiền phương nằm trong Hội đồng Cung cấp mặt trận. Nhiệm vụ của Ban là bảo vệ các lực lượng tham gia chiến dịch, bảo vệ dân công, bảo vệ giao thông vận tải, bảo vệ kho tàng và đường hành quân của bộ đội, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thời kì này đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm như tấm gương hi sinh của Võ Thị Sáu, đội viên công an xung phong Đất Đỏ thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; trong phong trào phá tề, trừ gian có : Trần Việt Hùng đội trưởng trừ gian của công an tỉnh Hải Dương; Trần Văn Châu, đội trưởng công an Kí Con thuộc tỉnh Nam Định v.v...

b) Thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954 – 1975)

– Giai đoạn từ năm 1954 đến 1960, Công an nhân dân Việt Nam góp phần ổn định an ninh, phục vụ công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giữ gìn và phát triển lực lượng ở miền Nam.

– Giai đoạn từ năm 1961 đến 1965, Công an nhân dân Việt Nam tăng cường xây dựng lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh chống lực lượng phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ ở miền Nam.

– Giai đoạn từ năm 1965 đến 1968, Công an nhân dân Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất và làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ ở miền Nam.

– Giai đoạn từ năm 1969 đến 1973, Công an nhân dân Việt Nam giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên miền Bắc và làm phá sản chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mĩ ở miền Nam.

– Giai đoạn từ năm 1973 đến 1975, Công an nhân dân Việt Nam cùng cả nước dốc sức giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, lực lượng công an đã phối hợp chiến đấu cùng quân đội và nhân dân lập nhiều chiến công. Ban An ninh Trung ương Cục và Đặc khu Sài Gòn – Gia Định điều động nhiều cán bộ, chiến sĩ phối hợp

5. Bộ Công an, *60 năm Công an nhân dân Việt Nam (1945 – 2005)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 128.

với lực lượng quân sự và quần chúng tiến công và nổi dậy chiếm lĩnh các mục tiêu trọng yếu như : Dinh Độc lập, Tổng Nha cảnh sát Ngụy, Bộ Tổng Tham mưu Ngụy, Đài phát thanh... Các chiến sĩ công an tham gia tích cực mở đường, kết hợp tiến công từ bên ngoài vào với sự nổi dậy từ bên trong, góp phần đập tan mọi sự phản kháng của bọn phản cách mạng, ngăn chặn và bắt giữ những đối tượng chạy trốn. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 đã có hàng chục nghìn cán bộ, chiến sĩ tham gia, góp phần tích cực giành thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Thời kì đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay)

Đất nước hoà bình, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, trên trận tuyến mới, Công an nhân dân Việt Nam đã đổi mới tổ chức và hoạt động, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Trên 60 năm xây dựng và trưởng thành, Công an nhân dân Việt Nam đã được Nhà nước phong tặng đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và những phần thưởng cao quý khác.

II – TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Trên 60 năm xây dựng, trưởng thành và chiến thắng, Công an nhân dân Việt Nam đã dệt lên trang sử hào hùng “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. Truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam được khái quát qua các nội dung sau :

1. Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng

Cũng như Quân đội nhân dân, Công an nhân dân chiến đấu vì mục tiêu, lí tưởng của Đảng và trở thành công cụ bạo lực sắc bén của Nhà nước trong việc chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, trung thành với mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kì. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Công an nhân dân theo nguyên tắc “tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt”. Tổ chức Đảng trong lực lượng công an theo hệ thống dọc từ Trung ương đến cơ sở. Hàng vạn cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã xả thân và hi sinh quên mình vì sự nghiệp cách mạng. Khi hoà bình lập lại, lực lượng công an nhân dân vẫn tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, “máu vẫn đỏ” trên đường phố và các vùng xa xôi. Truyền thống trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng trở thành niềm tự hào trong lực lượng công an và trong lòng dân tộc.

2. Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu

Công an nhân dân Việt Nam từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu đã lập bao chiến công hiển hách trong lịch sử xây dựng và chiến đấu của mình. Những chiến công bất gán điệp, biệt kích đột nhập từ ngoài vào; những vụ khám phá phân tử phản động ở trong nước; những cuộc chiến đấu cam go, quyết liệt với kẻ cầm đầu gây rối trật tự, an ninh xã hội, được quần chúng nhân dân chỉ bảo, giúp đỡ, càng gắn bó máu thịt giữa công an và nhân dân. Các đội xây dựng cơ sở, các công an viên bám, nắm địa bàn, thực hiện cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân, lấy sự bình yên cuộc sống làm mục tiêu phục vụ và lấy sự gắn bó phối hợp cùng nhân dân là điều kiện hoàn thành nhiệm vụ đã viết nên nét đẹp truyền thống “vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân mà chiến đấu” của Công an nhân dân Việt Nam.

3. Độc lập, tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học – công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu

Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ của Đảng, Công an nhân dân Việt Nam trong lịch sử của mình đã phát huy đầy đủ các nhân tố nội lực, làm nên sức mạnh giành thắng lợi. Với tinh thần “người Việt Nam phải tự giải phóng lấy mình, tự cứu mình trước khi chờ cứu”, công an nhân dân đã tích cực, chủ động khám phá nhiều vụ án, chủ động bám, nắm địa bàn, chủ động phát hiện những dấu tích tội phạm... Phương tiện của lực lượng công an mặc dù chưa phải là hiện đại, thậm chí rất thô sơ nhưng đã biết tận dụng, vận dụng và sáng tạo trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định, để thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả nhất.

4. Tận tụy trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu

Kẻ thù chống phá cách mạng thường sử dụng trăm phương ngàn kế với những âm mưu thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt. Muốn đánh thắng chúng, lực lượng công an phải luôn tận tụy với công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, dũng cảm, sáng tạo, kiên quyết và khôn khéo trong chiến đấu. Tận tụy trong công việc giúp công an điều tra, xét hỏi, nắm bằng chứng được chính xác và chuẩn bị chứng cứ để bắt đúng kẻ phạm tội.

5. Quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng, thuỷ chung, nghĩa tình

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế, bởi vậy mục tiêu chiến đấu của lực lượng vũ trang nói chung và lực lượng công an nói riêng phải góp phần hoàn thành nghĩa vụ quốc tế cao cả. Hợp tác quốc tế trong sáng, thuỷ chung, nghĩa tình là những phẩm chất không thể thiếu giúp Công an nhân dân Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ. Thể hiện tập trung nhất về sự hợp tác quốc tế là sự phối hợp công tác của công an ba nước Đông Dương : Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Hiện nay, lực lượng Interpol Việt Nam đã phối hợp với lực lượng Interpol quốc tế để điều tra, truy bắt những tên tội phạm quốc tế và những vụ án ma tuý lớn... càng tỏ thắm thêm truyền thống về quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng, thuỷ chung, nghĩa tình của Công an nhân dân Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quá trình hình thành, xây dựng và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Trình bày quá trình hình thành, xây dựng và trưởng thành của Công an nhân dân Việt Nam.
3. Nêu truyền thống về vang của Quân đội nhân dân Việt Nam.
4. Nêu truyền thống về vang của Công an nhân dân Việt Nam.